

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01/8/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor P

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị H và ông Hoàng Quốc V

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải B - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay S - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Huy Hoàng, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (đã có đơn xin được xét xử vắng mặt).

+ *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Huy Hoàng, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn B đã tìm hiểu và lấy nhau năm trên cơ sở tình cảm tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 17/12/2013. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu, không quan tâm và thông cảm cho nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được, anh chị đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không có chí hướng xây dựng gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn B trước pháp luật.

- *Về con*: Chị và anh Trần Văn B có 01 (một) chung là Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chưa thành niên là Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án trước đây, chị yêu cầu anh Trần Văn Bình phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với phương thức cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, nay chị không yêu cầu anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 9, 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị V được ly hôn với anh Trần Văn B trước pháp luật.

- *Về con chung*: Giao 01 (một) con là Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Trần Thị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí ly hôn*: Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn B như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Trần Văn B không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Trần Văn B vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn nguyên đơn chị Trần Thị V đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn B đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 17/12/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống chị Trần Thị V và anh Trần Văn B có phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Chị Trần Thị V và anh Trần Văn B không chung sống với nhau từ năm 2021, hiện tình cảm chị giành cho anh Trần Văn B đã hết nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B trước pháp luật.

Ngày 15/5/2023 và 08/6/2023, Tòa án đã xác minh tại thôn Huy Hoàng, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai về những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn B. Kết quả xác minh thể hiện việc chị Trần Thị V và anh Trần Văn B đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, to tiếng với nhau, chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Thôn, gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không có sự thay đổi.

Hội đồng xét xử, xét mâu thuẫn giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn B của chị Trần Thị V là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị Trần Thị V và anh Trần Văn B có 01 (một) con là Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị V có nguyện vọng được nuôi con là Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014. Do anh Trần Văn B không đến Tòa án, không có quan điểm; Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/5/2023 cháu Trần Đại Ph

có nguyện vọng được ở với chị V nên cần giao con là Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014 cho chị Trần Thị V chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Trần Thị V biết về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì lợi ích của con của người trực tiếp nuôi con nhưng chị Trần Thị V vẫn không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh Trần Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, hiện tại anh Trần Văn B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Trần Thị V và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị V được ly hôn với anh Trần Văn Bình trước pháp luật.

- *Về con và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con Trần Đại Ph, sinh ngày 20/01/2014 cho chị Trần Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trần Văn Bình không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Trần Văn B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Trần Thị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Trần Thị V và anh Trần Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001875 ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị V và Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị H - Hoàng Quốc V

Ksor Pep